

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LT
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 9 - 2023

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Ông Nguyễn Tiến Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Ngô Trường Út- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thùy H, sinh năm 1993; Nơi ĐKKHKT: thôn Q, xã T, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc, Nơi ở hiện nay: Xóm 1, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình , (có mặt).

- Bị đơn: Anh Khương Văn T, sinh năm 1991; Nơi ĐKKHKT: thôn Q, xã T, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc, Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang – Cục C10, địa chỉ: Xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Bùi Thị Thùy H trình bày: Chị kết hôn với anh Khương Văn T ngày 28/02/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi cưới có được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, không bị lừa dối ép buộc gì. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh T. Quá trình vợ chồng chung sống

được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Anh T nhiều lần đánh đập chị, ngoài ra anh T còn vi phạm pháp luật nên phải chấp hành án 03 lần kể từ khi vợ chồng kết hôn. Hiện nay anh T đang phải chấp hành án về tội Cố ý gây thương tích tại Trại giam V xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Khương Văn T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Khương Trung K, sinh ngày 01/8/2012 và cháu Khương Chí C, sinh ngày 02/7/2016; hiện nay cả hai cháu đang ở cùng mẹ bố mẹ anh T. Ly hôn chị H đề nghị được nuôi cả hai cháu, chị không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/7/2023 và các lời khai tiếp theo bị đơn anh Khương Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị H vào ngày 28/02/2012. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn tại UBND xã T, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị H về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh T. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh đi chấp hành án vợ chồng tình cảm xa cách. Thời gian đầu khi anh đi chấp hành án thì chị H vẫn thường xuyên thăm gặp, sau đó chị H không lên nữa. Đến nay anh cũng xác định không còn tình cảm với chị H, chị H xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Khương Trung K, sinh ngày 01/8/2012 và cháu Khương Chí C, sinh ngày 02/7/2016; hiện nay cả hai cháu đang ở cùng bố mẹ anh. Ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai cháu không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh đang đi chấp hành án anh nhờ bố mẹ anh nuôi, khi nào anh chấp hành án xong sẽ tiếp tục về nuôi dạy các cháu.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT phát biểu quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng mọi trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét

áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Cho chị Bùi Thị Thùy H được ly hôn với anh Khương Văn T. Về con chung giao cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Khương Trung K và cháu Khương Chí C, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Về án phí, chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Bùi Thị Thùy H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; bị đơn anh Khương Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã T, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện LT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, có lần anh T đánh chị, kể từ khi vợ chồng kết hôn anh T đã ba lần phải đi chấp hành án; anh T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do anh phải đi chấp hành án nên tình cảm xa cách và phai nhạt. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại địa phương và được biết chị H và anh T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T vi phạm pháp luật hình sự phải đi chấp hành án thời gian dài nên tình cảm vợ chồng xa cách. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh T, anh T đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị H điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H đề nghị được ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Khương Trung K, sinh ngày 01/8/2012 và cháu Khương Chí C, sinh ngày 02/7/2016; hiện nay cả hai cháu đang ở cùng mẹ bố mẹ anh. Ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K và Cháu C, không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị vì hiện nay anh T đang đi chấp hành án không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu; Anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu K và Cháu C, không yêu cầu chị

H phải đóng góp nuôi con chung cùng anh. Hiện nay anh đang đi chấp hành án anh sẽ nhờ bố mẹ anh nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu, khi nào anh chấp hành án xong sẽ về tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu.

Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Chị H hiện nay đang làm công việc về thiết kế quảng cáo, thu nhập 10.000.000đ/tháng; còn anh T hiện đang chấp hành án tại Trại giam V không thể có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con, cháu K, Cháu C đều có nguyện vọng ở với mẹ, nên cần giao cháu K, Cháu C cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp; do chị H không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị Thùy H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Thùy H được ly hôn anh Khương Văn T.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị Thùy H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Khương Trung K, sinh ngày 01/8/2012 và cháu Khương Chí C, sinh ngày 02/7/2016; anh Khương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H và có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thùy H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006656 ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện LT;
- Chi cục THADS huyện LT;
- UBND xã Tiên Lữ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Kim Thị Ánh Vân

